

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/DSST-HNGĐ

Ngày: 10/8/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

- Các hội thẩm nhân dân:

1) Bà Nguyễn Thị Lan

2) Bà Trịnh Thị Oanh.

- ***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Nhị - Thư ký
Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên toà:***
Bà Nguyễn Thùy Nguyên. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con” thụ lý số 160/2023/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 theo Qu định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn xx, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn xx, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:***

Tôi và anh Trần Văn T nhau năm 2012 trên cơ sở tự nguyện có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có Đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42 quyền số 02 ngày 22 tháng 03 năm 2012.

Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách của vợ chồng bất đồng quan điểm, không có Tg nói chung, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T thường xuyên đánh đập chị L. Do vậy, năm 2021 chị đã đem theo con gái bỏ về nhà bố mẹ để sống một thời gian, khi chị bỏ đi khỏi nhà thì anh T đã gọi điện năn nỉ chị quay về với anh T. Mặt khác, bản thân cũng muốn các con có bố có mẹ nên chị đã đem con về lại với anh T. Tuy nhiên, khi trở về thì chỉ được một thời gian ngắn anh T lại tiếp tục đánh đập chị. Vì vậy, đầu năm 2023 chị phải bỏ đi khỏi nhà và cũng từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Xét tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Nên chị nộp đơn đến Tòa án xin được ly hôn với anh Trần Văn T.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Văn T trình bày:*

Anh T thừa nhận lời trình bày của chị Nguyễn Thị L về thời gian chung sống kết hôn là hoàn toàn đúng thực tế. Theo anh T thì sau khi cưới vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do sau khi cưới kinh tế vợ chồng khó khăn nên không tránh được việc vợ chồng cãi nhau, có nhiều khi không làm chủ được anh có tát chị L mấy cái. Đến khi có con thì lại thêm bất đồng trong việc nuôi dạy con cái nên vợ chồng lại cãi nhau thường xuyên hơn. Đến năm 2021 chị L đem theo cháu D bỏ về nhà bố mẹ sống, một thời gian sau đó chị L lại đem con về nhà. Khi trở về vợ chồng cũng hòa thuận được một thời gian. Tuy nhiên, giữa hai vợ chồng vẫn không dung hòa được trong việc nuôi dạy con cái. Đến tháng 3/2023 chị L đã bỏ nhà đi để lại hai con cho anh T nuôi dưỡng. Nay chị L xin ly hôn, tuy không muốn ly hôn nhưng nếu chị L nhất quyết ly hôn thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi và chị L thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T có 02 con chung là cháu Trần Văn Qu, sinh ngày 15/12/2012 và cháu Trần Thị D, sinh ngày 07/6/2015.

+ Theo chị L thì hiện tại chị đang phụ bán quán ăn thu nhập bình quân mỗi tháng 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Nếu nuôi cả hai con chung thì chị L sợ không đảm bảo cuộc sống cho các con, nên chị L có nguyện vọng xin nuôi cháu Trần Thị D, giao cháu Trần Văn Qu cho anh Trần Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

+ Theo anh T thì hiện tại anh T làm phụ hồ, thu nhập bình quân của anh T mỗi tháng khoảng 11.000.000đồng. Anh T không đồng ý tách hai con mỗi người nuôi một cháu vì hiện tại các cháu đang sống với nhau, nếu tách ra thì ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Nguyện vọng của anh T nếu vợ chồng ly hôn con có nguyện vọng ở với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, nếu con ở với anh

T thì anh T nuôi và không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nếu con ở với chị L thì anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung 1.000.000đ/cháu/tháng để nuôi con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án cháu Trần Văn Qu, sinh ngày 15/12/2012 và cháu Trần Thị D, sinh ngày 07/6/2015 đều có nguyện vọng xin được sống với mẹ là chị Nguyễn Thị L.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương như sau: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T là công dân thuộc thôn xx, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình sống tại địa phương chị L và anh T có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vì sao thì địa phương không rõ.

Về điều kiện thu nhập: Hiện tại anh T làm nghề thợ xây, công việc cũng ổn định, còn chị L thì đi làm ăn xa. Tuy nhiên, thu nhập hàng tháng của chị L, anh T mỗi tháng bao nhiêu thì địa phương không nắm rõ.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Trần Văn T, xin nuôi dưỡng cháu D, giao cháu Qu cho anh T nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào. Tài sản, công nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được thuận tình ly hôn, về con chung anh T không muốn tách hai con nên anh T có nguyện vọng con ở với ai thì người đó nuôi, nếu con ở với chị L thì anh T tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ/tháng/cháu để chị L nuôi con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, hội đồng xét xử (HĐXX) và nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 33, Điều 34, Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Tòa án tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận việc chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Giao cháu Trần Thị D, sinh ngày 07/6/2015 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Giao cháu cháu Trần Văn Qu, sinh ngày 15/12/2012 cho anh Trần Văn T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Qu đủ 18 tuổi.

Anh T, chị L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L đề ngày 18/4/2023, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị L khởi kiện xin được ly hôn với anh Trần Văn T nơi cư trú tại thôn xx, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải Qu vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42 quyển số 02 ngày 22 tháng 03 năm 2012. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xảy ra xung đột, bất hòa. Theo chị L thì do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh T lại hay đánh đập chị, còn theo anh T thì do ban đầu thì do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên vợ chồng hay kình cãi nhau, khi có con vợ chồng lại thêm xung đột trong việc nuôi dạy con cái nên có khi anh đánh chị L đến năm 2021 chị L đã đem theo cháu D bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống. Tuy nhiên, sau đó vì muốn vợ chồng hàn gắn để con cái có bố có mẹ nên chị L đã quay lại chung sống với nhau. Tuy nhiên, vợ chồng không thể dung hòa được nên đến đầu năm 2023 thì vợ chồng sống ly thân nhau

đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Điều này chứng tỏ cuộc hôn nhân giữa chị L và anh T không hạnh phúc, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T đã thật sự trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Quá trình giải quyết vụ án cả chị L và anh T đều có nguyện vọng xin thuận tình ly hôn. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị L. Công nhận việc chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T thuận tình ly hôn là có căn cứ pháp luật.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị L anh T có 02 con chung là cháu Trần Văn Qu, sinh ngày 15/12/2012 và cháu Trần Thị D, sinh ngày 07/6/2015. Quá trình giải Qu vụ án cháu Trần Văn Qu, sinh ngày 15/12/2012 và cháu Trần Thị D, sinh ngày 07/6/2015 đều có nguyện vọng được sống với mẹ là chị Nguyễn Thị L. Tại phiên tòa cháu D và cháu Qu có nguyện vọng xin sống với bố là anh Trần Văn T. Bản thân anh T cho rằng anh không muốn tách rời hai con khi bố mẹ ly hôn nên anh T có nguyện vọng con ở với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Tuy nhiên chị L vẫn có nguyện vọng tha thiết được nuôi cháu D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi

HĐXX xét thấy, việc giao con cho ai nuôi dưỡng khi bố mẹ ly hôn cần xem xét đến quyền lợi mọi mặt của con. Mặc dù trong vụ án này cả cháu Qu và cháu D đều có nguyện vọng xin được sống với mẹ, tại phiên tòa hai cháu lại có nguyện vọng xin được sống với bố. Tuy nhiên, theo chị L thì hiện nay chị L thì hiện tại chị đang phụ bán quán ăn thu nhập bình quân mỗi tháng 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), nếu giao cho chị L 01 cháu thì vẫn đảm bảo được cuộc sống cho cháu bé. Mặt khác, anh T hiện nay làm nghề xây dựng nên anh T cũng phải thường xuyên vắng nhà, nếu giao cả hai con chung cho anh T nuôi dưỡng cũng không đảm bảo cuộc sống cho các cháu. Do vậy, HĐXX cần giao cháu D cho chị L nuôi dưỡng và giao cháu Qu cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh T và chị L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Anh T và chị L mỗi người nuôi 1 con chung nên không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không đề cập giải quyết

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án

[4]. Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên.

QU ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 33, Điều 34, khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

+ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận việc chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T thuận tình ly hôn.

+ Về con chung:

Giao con chung là cháu Trần Thị D, sinh ngày 07/6/2015 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Giao con chung là cháu Trần Văn Qu, sinh ngày 15/12/2012 cho anh Trần Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Qu đủ 18 tuổi.

“Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung”.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

- Về tài sản chung nợ chung: Quá trình giải Qu vụ án và tại phiên tòa các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải Qu.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0017003 ngày 25/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền